

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

Số: 3088 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Công văn số 161/MT/PTPQ ngày 16 tháng 10 năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Khách sạn Mường Thanh Phú Quốc” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 872/TTr-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc, địa chỉ tại Khu tổ hợp du lịch Sonasea Villas and Resort, tổ 5, ấp Đường Bào, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Khách sạn Mường Thanh Phú Quốc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Khách sạn Mường Thanh Phú Quốc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khu phức hợp Bãi Trường, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh số 1700446176 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 11 tháng 12 năm 2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 19 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 1700446176.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khu khách sạn, dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được triển khai thực hiện tại ô đất có ký hiệu CH1 (Khu căn hộ nghỉ dưỡng) thuộc dự án Khu tổ hợp du lịch Sonasea Villas and Resort thực hiện tại Khu phức hợp Bãi Trường, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô: Tổng diện tích cơ sở là 12.253 m², có quy mô 276 phòng, khả năng phục vụ cho 598 khách lưu trú/ngày. Số lượng nhân viên làm việc tại cơ sở là 70 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 19. tháng 12. năm 2023 đến ngày 19. tháng 12.năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.Thm

Nơi nhận:

- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Phú Quốc;
- UBND thành phố Phú Quốc;
- LĐVP; P.KT, TT.PVHCC;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Kiên Giang
- Lưu: VT, ptduy (10 bản).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Nhàn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3288/GPMT-UBND ngày 19. tháng 12...
năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Cống thoát nước chung của khu vực. Nước thải theo tuyến cống thoát nước chung chảy ra biển.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Khu tổ hợp du lịch Sonasea Villas & Resort - Khu phức hợp Bãi Trường, xã Dương Tơ, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: Điểm tiếp nhận nước thải tại cống thoát nước chung là X = 1120612; Y = 442810 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30' mũi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 250 m³/ngày.đêm, tương đương 10,42 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày (Liên tục các ngày trong năm).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt – QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A, hệ số K = 1), cụ thể như sau:

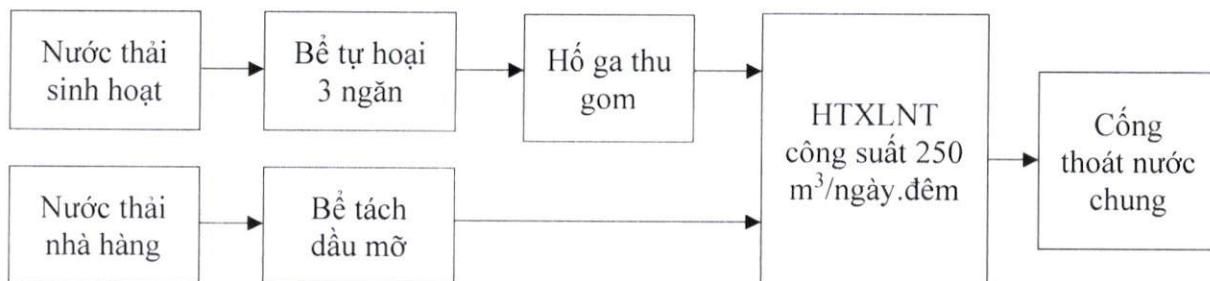
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	--	5 – 9	3 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	30	(đối với nước thải đầu vào HTXLNT và tại vị trí tiếp nhận nước thải tại cống thoát nước chung của khu vực)
3	TSS	mg/L	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	5	

7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/L	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	
9	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/L	6	
10	Tổng các chất hoạt động bù mặt	mg/L	5	
11	Tổng Coliforms	MPN/100mL	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:



- Hệ thống cống thoát nước thải đã được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, được xây dựng riêng hoàn toàn với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt tại cơ sở bao gồm: Nước thải từ khu vực nhà hàng, nước thải từ các nhà vệ sinh (nước thải chảy tràn trên sàn, nước thải từ lavabo, nước thải từ các hố tiêu, hố tiêu) sẽ được thu gom về các công trình xử lý sơ bộ tùy vào tính chất nước thải. Nước thải được thu gom theo tầng và dẫn về công trình xử lý sơ bộ với quy cách chung như sau:

+ Đối với nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh của cơ sở được thu gom và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được đấu nối với đường ống thu gom nước thải PVC Ø90 chảy về hố thu gom. Tại hố thu gom nước thải được dẫn về hệ thống XLNT tập trung bằng ống PVC Ø90 để xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận.

+ Nước thải nhà bếp/nhà hàng được dẫn về bể tách mỡ bằng ống PVC Ø140 để xử lý sơ bộ, từ bể tách mỡ đấu nối dẫn nước thải về HTXLNT bằng ống PVC Ø90 để xử lý chung với nước thải sinh hoạt.

- Công trình thoát nước thải: Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – cột A sẽ được dẫn đấu nối vào công thoát nước chung (trên tuyến đường Sonasea 01) của khu vực bằng ống PVC Ø90, chiều dài từ HTXLNT đến công thoát nước chung khoảng 15m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sau cải tạo: Nước thải → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể MBBR 01, 02 → Bể trung gian 01 → Bể lắng → Bể trung gian 02 → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 250 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, vi sinh xử lý nước thải, màng rỉ đường.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý thường xuyên theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

+ Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật.

+ Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị, sổ nhật ký vận hành để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

+ Lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

- Biện pháp xử lý: Vận hành hệ thống xử lý nước thải trong thời gian dài có thể phát sinh một số sự cố hỏng hóc kỹ thuật, do rò rỉ hóa chất xử lý, do hiệu suất xử lý không đảm bảo dẫn đến hiệu quả xử lý các chỉ tiêu không đạt yêu cầu. Khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ cơ sở sẽ thực hiện các phương án khắc phục và giảm thiểu các tác động có hại tới môi trường:

+ Tạm dừng hệ thống xử lý chất thải để khắc phục sự cố.

+ Thực hiện các hành động xử lý tạm thời, cần thiết để giảm thiểu ô nhiễm.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sau khi được cấp Giấy phép môi trường tối thiểu 20 ngày thì chủ cơ sở sẽ tiến hành vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải tại cơ sở. Thời gian thực hiện kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở dự kiến khoảng 03 tháng. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của cơ sở dự kiến như sau:

TT	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Chất lượng	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm
1	Tháng 12/2023	Tháng 03/2024	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, Cột A	70%

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

TT	Công trình vận hành thử nghiệm	Tần suất	Vị trí lấy mẫu	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m ³ /ngày.đêm	Lần 1	Nước thải đầu vào HTXLNT (X = 1120590; Y = 442846)	01 mẫu đơn	pH, BOD ₅ , TSS, TDS, Sunfua, Amoni, Nitrat, Phosphat, Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (K = 1)
			Nước thải đầu ra HTXLNT (X = 1120608; Y = 442842)	01 mẫu đơn		
2		Lần 2	Nước thải đầu ra HTXLNT (X = 1120608; Y = 442842)	01 mẫu đơn		
3		Lần 3	Nước thải đầu ra HTXLNT (X = 1120608; Y = 442842)	01 mẫu đơn		

Thời gian quan trắc nước thải sẽ được đề xuất cụ thể tại văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở và gửi đến cơ quan có chức năng để phối hợp kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Quan trắc 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở.
- Đảm bảo nước thải sau khi xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3288/GPMT-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh: Tọa độ X = 1120615; Y = 442868 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104°30' mũi chiếu 3°).

3. Tiếng ồn độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Giới hạn đối với tiếng ồn đảm bảo theo QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Giới hạn đối với độ rung đảm bảo theo QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	6 giờ - 21 giờ	21 giờ - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Đối với máy phát điện dự phòng:

+ Máy phát điện được đặt trong nhà tiêu âm ở khu vực riêng biệt để giảm thiểu tác động của tiếng ồn khi hoạt động máy phát điện.



+ Máy được đặt trên bệ bê tông, giá đỡ cố định để giảm thiểu độ rung khi máy hoạt động.

+ Định kỳ đội ngũ kỹ thuật sẽ kiểm tra tình trạng hoạt động của máy, bảo trì, sửa chữa ngay khi phát hiện sự cố kỹ thuật máy.

+ Không để máy phát điện hoạt động quá tải.

- Đối với máy móc vận hành HTXLNT:

+ Các máy móc được đặt trong phòng điều hành ở tầng hầm của khu căn hộ khách sạn nghỉ dưỡng. Phòng điều hành được xây tường bao quanh, có trang bị lớp vật liệu cách âm ngăn phát tán âm thanh ra ngoài.

+ Các máy móc, thiết bị được kê ngay ngắn nhằm hạn chế phát sinh độ rung khi máy hoạt động.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng âm dưới lòng đất, có nắp đậy kín nhằm hạn chế tiếng ồn của thiết bị hoạt động trong các bể.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này./.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 3288/GPMT-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Trạng thái	Khối lượng (kg)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	07	16 01 06
2	Bao bì chứa hóa chất	Rắn	0,5	18 01 01
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	03	19 06 01
4	Nhớt động cơ thải	Lỏng	150	17 02 03
Tổng cộng		-	160,5	-

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở đến tháng 11 năm 2023 là 160,5 kg. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trung bình khoảng 0,486 kg/ngày.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở là khoảng 300 – 400 kg/ngày tương đương khoảng 9 – 12 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- CTNH phát sinh tại cơ sở sẽ được lưu giữ trong các thùng chứa có nắp đậy đặt trong kho chứa CTNH.

- Các thùng, khu vực chứa chất thải nguy hại được dán dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa cho từng loại, nhóm chất thải.

- Các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại phát sinh phải đảm bảo các quy định tại khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Cơ sở đã bố trí kho chứa CTNH diện tích 6 m², đặt gần hệ thống xử lý nước thải để lưu chứa toàn bộ lượng CTNH phát sinh tại cơ sở.

- Kho được xây dựng tường bao quanh, có cửa đóng kính, có rãnh thu chất thải rơi vãi ngăn chất thải chảy tràn ra ngoài.

- Kho bố trí bình chữa cháy cầm tay để phòng ngừa, ứng phó sự cố khi xảy ra. Trước kho bố trí vật liệu hấp thụ (cát) và xêng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thê lồng.

- Khu vực chứa chất thải nguy hại phát sinh phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Cơ sở bố trí thùng rác ở những khu vực thuận tiện để thu gom rác từ các hoạt động sinh hoạt, dịch vụ, vui chơi,... Số lượng thùng rác tại từng vị trí sẽ được bố trí phù hợp để phân loại đối với rác thải phát sinh đặc trưng của vị trí đó. Số lượng thùng rác đảm bảo chứa được toàn bộ lượng rác thải phát sinh hằng ngày. Số lượng thùng rác được thống kê như sau:

TT	Loại thùng chứa	Màu sắc	Vật liệu	Số lượng	Khu vực bố trí	Phân loại rác
1	Thùng rác giả mây (D = 22 cm, H = 26 cm)	Nâu	Nhựa	656	Phòng khách sạn, phòng làm việc	Vô cơ các loại
2	Thùng rác - gạc tàn đứng (R = 30 cm, H = 80 cm)	Nâu	Thép	20	Lối thang máy, sảnh các tầng	Vô cơ các loại
3	Thùng rác 6 lít có nắp đậy	Trắng + nâu	Nhựa	15	Khu spa	Vô cơ các loại
4	Thùng rác công cộng 2 ngăn, 2 màu (D = 35cm, H = 65 cm)	Xanh dương	Thép	2	Khuôn viên cơ sở	Vô cơ các loại
		Trắng	Thép	2		Hữu cơ
5	Thùng 60 lít có nắp đậy	Xanh lá	PVC	2	Khu vực bếp	Vô cơ các loại
		Xám	PVC	1	Khu vực bếp	Hữu cơ
6	Thùng 120 lít có nắp đậy	Xanh lá	PVC	1	Khu vực tập kết rác thải	Vô cơ không tái chế
7	Thùng 240 lít có nắp đậy	Xanh lá	PVC	6	Khu vực tập kết rác thải	Rác cảnh quang
		Cam	PVC	3	Khu vực tập kết	Vô cơ tái chế

					rác thải	
8	Thùng 660 lít có nắp đậy	Xanh lá	PVC	2	Khu vực tập kết rác thải	Vô cơ không tái chế

- Rác thải được phân loại tại nguồn trước khi vận chuyển đến nơi xử lý:

+ Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế như: Vỏ chai nước, lon nước, giấy,... thu gom và bán cho các cơ sở tái chế.

+ Chất thải rắn sinh hoạt khác như: Túi nilong, nhựa sử dụng 1 lần,... và rác thải như: cành cây, lá cây, cỏ,... (rác cảnh quang) thu gom và giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải thực phẩm như: Thực ăn thừa, vỏ trái cây, rau củ,... được thu gom và cho người dân có nhu cầu sử dụng để phục vụ chăn nuôi đến lấy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở có diện tích khoảng 15 m^2 , nền bê tông.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các khu chức năng khác sẽ được nhân viên thu gom tập trung về khu tập kết CTRSH để lưu chứa, quản lý trước khi được cơ quan có chức năng đến thu gom.

- Tại khu vực tập kết bố trí các thùng rác loại 660 lít, 240 lít, 120 lít có nắp đậy dùng để chứa rác thải thu gom từ các khu chức năng tập kết tại đây. Bố trí thùng đựng rác vô cơ không tái chế màu xanh lá (120 lít, 660 lít), thùng đựng rác cảnh quang màu xanh lá (240 lít), thùng đựng rác tái chế màu cam (120 lít, 240 lít) để thực hiện phân loại rác trước khi giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện đúng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở, đảm bảo tuân thủ quy định kỹ thuật về an toàn và môi trường.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường./.